

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Anh): **FINANCE AND BANKING**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: **8340201**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Khoa quản lý: **Khoa Tài chính - Kế toán**

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021**

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Anh): **FINANCE AND BANKING**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: **8340201**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Khoa quản lý: **Khoa Tài chính - Kế toán**

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 221/QĐ-DCT ngày 27 tháng 01 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

**Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): FINANCE AND BANKING**

**Trình độ đào tạo: Thạc sĩ**

**Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng**

**Mã ngành đào tạo: 8340201**

**Khối ngành: III - Kinh doanh và quản lý**

**Loại hình đào tạo: Chính quy**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo hướng nghiên cứu, ứng dụng trong các lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo và định hướng dịch vụ, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

*Học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

##### a. Kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng để thực hiện các công việc quản trị tài chính, phán đoán và ra quyết định; quản trị danh mục đầu tư tài chính, thiết lập và thẩm định dự án đầu tư; biết phương pháp kiểm soát nội bộ, phân tích và định giá,...trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng.

##### b. Kỹ năng

Có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có nhận thức,...để nghiên cứu và định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Đồng thời có kỹ năng

làm việc nhóm, phân tích, nghiên cứu, quản lý,... để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng; Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Mặt khác, có khả năng quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn về Tài chính – Ngân hàng.

### c. *Mức độ tự chủ và trách nhiệm*

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc tài chính – ngân hàng ở những môi trường khác nhau.

## 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

*Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

### 2.1. Chuẩn đầu ra cho chương trình theo định hướng ứng dụng

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
a	<b>Kiến thức</b>	
PLO1-UD	<b>Vận dụng kiến thức lý thuyết sâu rộng và thực tế vững chắc trong phạm vi của ngành tài chính, ngân hàng</b>	4
PLO1.1-UD	Vận dụng lý thuyết về các nguyên tắc và phương pháp sâu, rộng của tài chính, ngân hàng	4
PLO1.2-UD	Cập nhật các quy định về thuế để cung cấp thông tin kinh tế - tài chính phù hợp với quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế.	4
PLO1.3-UD	Phân tích thực tiễn về tài chính, ngân hàng hiện đại để cung cấp thông tin kinh tế - tài chính phù hợp với quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế	4
PLO2-UD	<b>Phân tích, tổng hợp các kiến thức sâu rộng về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng</b>	5 4
PLO2.1-UD	Áp dụng kiến thức kinh tế hiện đại nhằm quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội liên quan đến ngành tài chính, ngân hàng	3

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO2.2-UD	Vận dụng kiến thức liên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị, công nghệ thông tin để tạo nền tảng cho việc công việc chuyên sâu trong lĩnh vực TCNH	5
<b>PLO3-UD</b>	<b>Vận dụng kiến thức quản lý và quản trị sâu rộng để điều hành công việc tài chính, ngân hàng</b>	5
PLO3.1-UD	Đánh giá và đề xuất các giải pháp khả thi cho các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng dựa trên phân tích thông tin kinh tế - tài chính	5
PLO3.2-UD	Phân tích dữ liệu và thiết kế hệ thống tài chính, ngân hàng dựa trên việc đánh giá các thông tin thích hợp	5
<b>b</b>	<b>Kỹ năng</b>	
<b>PLO4-UD</b>	<b>Đánh giá để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề tài chính, ngân hàng một cách khoa học</b>	5
PLO4.1-UD	Phân tích và đánh giá một cách khoa học các vấn đề tài chính, ngân hàng để cung cấp thông tin tài chính thích hợp cho người sử dụng ra quyết định	5
PLO4.2-UD	Hoạch định, phân tích và cung cấp thông tin quản trị tài chính, ngân hàng cho việc ra quyết định của nhà quản lý	4
<b>PLO5-UD</b>	<b>Truyền đạt tri thức dựa trên kiến thức tích luỹ được để thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác</b>	3
PLO5.1-UD	Thực hiện quản lý và tổ chức bộ máy tài chính, ngân hàng trong đơn vị cụ thể	3
PLO5.2-UD	Thực hiện các chuyên đề về tài chính, tiền tệ để truyền đạt tri thức dựa trên kết quả thực hiện cho người có nhu cầu sử dụng và nhà quản lý	3
<b>PLO6-UD</b>	<b>Tổ chức thực hiện quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến</b>	4
PLO6.1-UD	Xây dựng tổ chức đề án, dự án, kế hoạch tài chính	4
PLO6.2-UD	Kết hợp quản trị, quản lý và điều hành thực hiện đề án, dự án, kế hoạch tài chính	4
<b>PLO7-UD</b>	<b>Thiết kế ứng dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực nghề nghiệp</b>	3

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO7.1-UD	Thu thập dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lớn (Big data) cho ngành tài chính, ngân hàng	3
PLO7.2-UD	Hình thành dữ liệu lớn (Big data) để phân tích, dự báo về lĩnh vực tài chính, tiền tệ	3
<b>PLO8-UD</b>	<b>Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam</b>	4
PLO8.1-UD	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để giao tiếp tốt trong công việc	4
PLO8.2-UD	Sử dụng ngoại ngữ để đọc hiểu những vấn đề liên quan đến tài chính, ngân hàng	4
c	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
<b>PLO9-UD</b>	<b>Cải tiến mô hình quản lý đưa ra những sáng kiến quan trọng</b>	4
PLO9.1-UD	Sáng tạo trong công việc và đề xuất những giải pháp hữu ích cho đơn vị	4
PLO9.2-UD	Lập mô hình quản lý để giải quyết các vấn đề mới	4
<b>PLO10-UD</b>	<b>Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác</b>	5
PLO10.1-UD	Cập nhật trình độ chuyên môn để thích nghi với môi trường làm việc đòi hỏi sự sáng tạo và khả năng làm việc độc lập	4
PLO10.2-UD	Phân tích và đánh giá năng lực bản thân nhằm tự định hướng nghề nghiệp và hướng dẫn người khác thực hiện công tác chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	5
<b>PLO11-UD</b>	<b>Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</b>	4
PLO11.1-UD	Kết hợp kinh nghiệm thực tiễn để hình thành nên những vấn đề mới mang tính chuyên gia	4
PLO11.2-UD	Giải quyết các vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực tài chính, ngân hàng	4
<b>PLO12-UD</b>	<b>Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn</b>	4
PLO12.1-UD	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý công việc tài chính, ngân hàng một cách hữu hiệu và hiệu quả	4
PLO12.2-UD	Phân tích cải tiến công việc tài chính, ngân hàng một cách khoa học và hiệu quả cao để thích nghi với sự thay đổi môi trường kinh tế - xã hội	4

## 2.2. Chuẩn đầu ra cho chương trình theo định hướng nghiên cứu

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
a	<b>Kiến thức</b>	
PLO1-NC	<b>Hiểu và vận dụng được kiến thức lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến và thực tế vững chắc trong của ngành tài chính, ngân hàng</b>	4
PLO1.1-NC	Vận dụng được lý thuyết về các nguyên tắc và phương pháp sâu, rộng của tài chính, ngân hàng	4
PLO1.2-NC	Cập nhật các quy định về thuế để cung cấp thông tin kinh tế - tài chính phù hợp với quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế.	4
PLO1.3-NC	Phân tích được thực tiễn về tài chính, ngân hàng hiện đại để cung cấp thông tin kinh tế - tài chính phù hợp với quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế	4
PLO2-NC	<b>Phân tích, tổng hợp các kiến thức sâu rộng về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng</b>	4
PLO2.1-NC	Áp dụng được kiến thức kinh tế hiện đại nhằm quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội liên quan đến ngành tài chính, ngân hàng	5
PLO2.2-NC	Vận dụng được các kiến thức liên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị, công nghệ thông tin để tạo nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực TCNH	3
PLO3-NC	<b>Vận dụng được kiến thức quản lý và quản trị sâu rộng để điều hành công việc tài chính, ngân hàng</b>	5
PLO3.1-NC	Độc lập đánh giá và đề xuất các giải pháp khả thi cho các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng dựa trên phân tích thông tin kinh tế - tài chính	5
PLO3.2-NC	Phân tích được dữ liệu và thiết kế hệ thống tài chính, ngân hàng dựa trên việc đánh giá các thông tin thích hợp	5
b	<b>Kỹ năng</b>	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO4-NC	<b>Độc lập đánh giá để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề tài chính, ngân hàng một cách khoa học</b>	5
PLO4.1-NC	Phân tích và đánh giá một cách khoa học các vấn đề tài chính, ngân hàng để cung cấp thông tin tài chính thích hợp cho người sử dụng ra quyết định	5
PLO4.2-NC	Hoạch định, phân tích và cung cấp thông tin quản trị tài chính, ngân hàng cho việc ra quyết định của nhà quản lý	4
PLO5-NC	<b>Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác</b>	3
PLO5.1-NC	Thực hiện quản lý và tổ chức bộ máy tài chính, ngân hàng trong đơn vị cụ thể	3
PLO5.2-NC	Thực hiện các nghiên cứu về tài chính, tiền tệ để truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu cho người có nhu cầu sử dụng và nhà quản lý 3 PLO6 Tổ chức thực hiện	3
PLO6-NC	<b>Tổ chức thực hiện quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến</b>	4
PLO6.1-NC	Xây dựng được tổ chức đề án, dự án, kế hoạch tài chính	4
PLO6.2-NC	Kết hợp quản trị, quản lý và điều hành thực hiện đề án, dự án, kế hoạch tài chính	4
PLO7-NC	<b>Thiết kế nghiên cứu và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp</b>	3
PLO7.1-NC	Thu thập dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lớn (Big data) cho ngành tài chính, ngân hàng	3
PLO7.2-NC	Hình thành dữ liệu lớn (Big data) để phân tích, dự báo về lĩnh vực tài chính, tiền tệ	3
PLO8-NC	<b>Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam</b>	4
PLO8.1-NC	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để giao tiếp tốt trong công việc	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO8.2-NC	Sử dụng ngoại ngữ để đọc hiểu những vấn đề liên quan đến tài chính, ngân hàng	4
c	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>	
PLO9-NC	<b>Độc lập tự chủ nghiên cứu và đưa ra được những sáng kiến quan trọng</b>	4
PLO9.1-NC	Sáng tạo trong công việc và đề xuất những giải pháp hữu ích cho đơn vị	4
PLO9.2-NC	Lập được mô hình nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới	4
PLO10-NC	<b>Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác</b>	5
PLO10.1-NC	Cập nhật trình độ chuyên môn để thích nghi với môi trường làm việc đòi hỏi sự sáng tạo và khả năng nghiên cứu độc lập	4
PLO10.2-NC	Phân tích và đánh giá được năng lực bản thân nhằm tự định hướng nghề nghiệp và hướng dẫn người khác thực hiện công tác chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	5
PLO11-NC	<b>Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</b>	4
PLO11.1-NC	Kết quả các nghiên cứu trước để hình thành nên những vấn đề mới mang tính chuyên gia	4
PLO11.2-NC	Giải quyết được các vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực tài chính, ngân hàng	4
PLO12-NC	<b>Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. Độc lập đánh giá được những công trình khoa học khác</b>	4
PLO12.1-NC	Lập được kế hoạch, điều phối, quản lý công việc tài chính, ngân hàng một cách hữu hiệu và hiệu quả	4
PLO12.2-NC	Phân tích cải tiến công việc tài chính, ngân hàng một cách khoa học và hiệu quả cao để thích nghi với sự thay đổi môi trường kinh tế - xã hội.	4

### 2.3. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra (chương trình theo định hướng ứng dụng)

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO-UD)							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1.	0310100409	11100012	Triết học		2	3		4		3	
2.	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	2		3		4		3
3.	0310100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính		3		3	4			3
4.	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu tài chính (Big data Financial Analysis)	3	2	3		3	4		3
5.	0310100444	12100004	Hệ thống thông tin quản lý		2	3		4		3	
6.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	3		3		4			3
7.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	3	2		3	4			3
8.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	3	3		4		3		3
9.	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển		2	3		4			3
10.	0310100575	13102021	Tái cấu trúc doanh nghiệp	3	2		3	4			3
11.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại		2		3	4			3
12.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	3	3		4		3		3
13.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế		3	3		4		3	
14.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính		2	3		4		3	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO-UD)									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
15.	0310100453	12100011	Mô hình tài chính	2	3	4	4	3	3	3	3	3	
16.	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế		3	4			3		3	3	4
17.	0310100455	12100013	Ngân hàng hiện đại		3	3			3		3	3	4
18.	0310100456	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	2	3		3		3	4	4	3
19.	0310100567	13100017	Quản trị danh mục đầu tư		3	3			3		3	4	3
20.	0310101506	13100023	Quản trị dự án	2			3	4		3		3	3
21.	0310100457	12100017	Quản trị chi phí	3			3	4					3
22.	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	3			3	4					3
23.	0310101511	12100019	Kế toán quản trị	3	3	3				3		3	4
24.	0310101507	12100020	Kế toán quốc tế	3		3		3		3		3	4
25.	0310100568	13100033	E – Marketing	3		3		3	4			3	3
26.	0310101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	3				3		3	4
27.	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	3	3	3				3		3	4
28.	0310101515	12104001	Thực tập	3		4		4		3	3	3	4
29.	0310101508	12106005	Báo cáo kết nghiệp	3		3	4	4	4	4	4	4	4
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng				17	15	9	10	9	12	19	8	7	10
										9	10	9	18

2.4. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra (chương trình theo định hướng nghiên cứu)

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO-UD)									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1.	0310100409	11100012	Triết học		2	3			4			3	3
2.	0310101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	3	3		3		3		3	3	3
3.	0310101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng		2	3		3	4			3	
4.	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh			2	3	3	4		3		3
5.	0310100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	3	2	3			3	3		3	3
6.	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu tài chính (Big data Financial Analysis)		3	3			4		3		3
7.	0310100444	12100004	Hệ thống thông tin quản lý		2		3		4		3		3
8.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	3	2	3			3	3		3	3
9.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng		3		3		4		3		3
10.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế		2			3	4		3		3
11.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại		2	3			3	3		3	3
12.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	3	2		3		4		3		3
13.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế			3		3	4		3		4
14.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính		2	3		4			3		3
15.	0310100453	12100011	Mô hình tài chính			3		3	3		3		4

TT	Mã học phần	Mã trư quản	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO-UD)								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
16.	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế		3	3				3		3
17.	0310100455	12100013	Ngân hàng hiện đại	3	3	3	4			4	4	4
18.	0310100456	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại		3	4				3		3
19.	0310100567	13100017	Quản trị danh mục đầu tư		2	3			4			3
20.	0310101506	13100023	Quản trị dự án		2	3	3	3			3	4
21.	0310100457	12100017	Quản trị chi phí	3				3	4	3	3	3
22.	0310101514	12100023	Tài chính hành vi		3	4		3		3		4
23.	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	3				3	4			4
24.	0310101512	12107002	Chuyên đề 1	3	3			3		4		4
25.	0310101513	12107003	Chuyên đề 2	3		3				4	3	4
26.	0310101514	12107004	Chuyên đề 3	3		3		3		4		4
27.	0310101515	12106006	Luận văn tốt nghiệp	3	3	3	4	4	4	4	4	4
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu				8	16	8	11	7	9	16	8	7
										11	13	18

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

#### 3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	4 tín chỉ	7%
2	Kiến thức chuyên ngành	14 tín chỉ	23%
3	Kiến thức chuyên sâu	27 tín chỉ	45%
4	Chuyên đề ứng dụng (Thực tập)	6 tín chỉ	10%
5	Báo cáo/Dự án tốt nghiệp	9 tín chỉ	15%
<b>Tổng</b>		<b>60 tín chỉ</b>	<b>100%</b>

#### 3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	4 tín chỉ	7%
2	Kiến thức chuyên ngành	14 tín chỉ	23%
3	Kiến thức chuyên sâu	15 tín chỉ	25%
4	Các chuyên đề nghiên cứu	12 tín chỉ	20%
5	Luận văn	15 tín chỉ	25%
<b>Tổng</b>		<b>60 tín chỉ</b>	<b>100%</b>

#### 4. Đối tượng tuyển sinh: Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng phải đáp ứng được điều kiện sau:

##### ✚ Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.
- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành Tài chính - Ngân hàng và đã học bổ sung kiến thức theo quy định.
- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Việt Nam.

##### ✚ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Người dự thi tuyển có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, ngành phù hợp với ngành Tài chính - Ngân hàng được dự thi tuyển ngay sau khi tốt nghiệp đại học.
- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong

lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi tuyển, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi tuyển, mới được đăng ký dự thi tuyển.

## 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo Anh văn tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);
- Hoàn thành số tín chỉ tích lũy theo chương trình đào tạo;
- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí và các loại phí theo quy định của nhà trường.

## 6. Cách thức đánh giá

- Chương trình đào tạo này đã được đánh giá đạt theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chương trình đào tạo này được xây dựng để hướng đến việc phù hợp để đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn đánh giá của mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á, AUN\_QA (ASEAN University Network – Quality Assurance).

7. Thời gian đào tạo: Tổng thời gian đào tạo là 24 tháng, thời gian tối đa là 48 tháng.

8. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Có thể đảm nhiệm các vị trí trưởng phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh hoặc giám đốc các tổ chức tín dụng, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp. Học viên tốt nghiệp chuyên ngành tài chính – ngân hàng có thể làm cán bộ quản lý ở các tổ chức tín dụng, các ngân hàng thương mại, cơ quan thuế và các tổ chức tài chính tín dụng khác.

## 10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có thể tiếp tục nâng cao trình độ làm cán bộ giảng dạy trong các trường đại học về đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

## 11. Nội dung chương trình đào tạo

### 11.1. Nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
<b>I. Kiến thức chung</b>				<b>4</b>		
1.	0310100409	11100012	Triết học	4		1
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>14</b>		
<b>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>				<b>4</b>		
1.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2		2
2.	0310100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2		2
<b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 5 học phần)</b>				<b>10</b>		
1.	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu tài chính (Big data Financial Analysis)	2		2
2.	0310100444	12100004	Hệ thống thông tin quản lý	2		2
3.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	2		1
4.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2		1
5.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2		1
6.	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển	2		1
7.	0310100575	13102021	Tái cấu trúc doanh nghiệp	2		2
<b>III. Kiến thức chuyên sâu</b>				<b>27</b>		
<b>Kiến thức chuyên sâu bắt buộc</b>				<b>9</b>		
1.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2		2
2.	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3		1

<b>TT</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Mã tự quản</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Điều kiện</b> (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	<b>Hoc kỳ</b>
3.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2		3
4.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2		3
<b>Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 9 học phần)</b>				<b>18</b>		
1.	0310100453	12100011	Mô hình tài chính	2		2
2.	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế	2		1
3.	0310100455	12100013	Ngân hàng hiện đại	2		2
4.	0310100456	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2		2
5.	0310100567	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2		3
6.	0310101506	13100023	Quản trị dự án	2		3
7.	0310100457	12100017	Quản trị chi phí	2		3
8.	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2		3
9.	0310101511	12100019	Kế toán quản trị	2		3
10.	0310101507	12100020	Kế toán quốc tế	2		3
11.	0310100568	13100033	E – Marketing	2		3
12.	0310101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng	2		2
13.	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	2		3
<b>IV. Thực tập</b>				<b>6</b>		
1.	0310101515	12104001	Thực tập	6		4
<b>V. Báo cáo/dự án tốt nghiệp</b>				<b>9</b>		
1.	0310101508	12106005	Báo cáo tốt nghiệp	9		4
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>				<b>60</b>		

**11.2. Nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu**

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
<b>I. Kiến thức chung</b>				<b>4</b>		
1.	0310100409	11100012	Triết học	4		1
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>14</b>		
<b>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>				<b>10</b>		
1.	0310101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2		1
2.	0310101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2		2
3.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2		3
4.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	2		2
5.	0310100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2		2
<b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 2 học phần)</b>				<b>4</b>		
1.	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu tài chính (Big data Financial Analysis)	2		1
2.	0310100444	12100004	Hệ thống thông tin quản lý	2		2
4.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2		1
5.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2		2
<b>III. Kiến thức chuyên sâu</b>				<b>15</b>		
<b>Kiến thức chuyên sâu bắt buộc</b>				<b>9</b>		

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
1.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2		2
2.	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3		1
3.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2		3
4.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2		3
<b>Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 3 học phần)</b>				<b>6</b>		
1.	0310100453	12100011	Tài chính hành vi	2		3
2.	0310100454	12100012	Mô hình tài chính	2		3
3.	0310100455	12100013	Tài chính quốc tế	2		2
4.	0310100456	12100014	Ngân hàng hiện đại	2		2
5.	0310100567	13100017	Quản trị ngân hàng hiện đại	2		3
6.	0310101506	13100023	Quản trị danh mục đầu tư	2		3
7.	0310100457	12100017	Quản trị dự án	2		3
8.	0310100458	12100018	Quản trị chi phí	2		2
9.	0310100453	12100011	Kiểm soát nội bộ	2		3
<b>IV. Các chuyên đề</b>				<b>12</b>		
1.	0310101512	12107002	Chuyên đề 1	4		4
2.	0310101513	12107003	Chuyên đề 2	4		4
3.	0310101514	12107004	Chuyên đề 3	4		4
<b>V. Luận văn</b>				<b>15</b>		
1.	0310101515	12106006	Luận văn tốt nghiệp	15		4
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>				<b>60</b>		

## 12. Kế hoạch đào tạo

### 12.1. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 1: 13 tín chỉ tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1.	0310100409	11100012	Triết học	4(4,0)	
2.	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3(3,0)	
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 3 trong 5 học phần)</b>					
3.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	2(2,0)	
4.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2(2,0)	
5.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2(2,0)	
6.	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0)	
7.	13100005	0310100556	Kinh tế phát triển	2(2,0)	
<b>Học kỳ 2: 16 tín chỉ tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1.	0310100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2(2,0)	
2.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0)	
3.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2(2,0)	
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 5 trong 7 học phần)</b>					
4.	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu tài chính (Big data Financial Analysis)	2(2,0)	
5.	0310100444	12100004	Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0)	
6.	0310100453	12100011	Mô hình tài chính	2(2,0)	
7.	0310100455	12100013	Ngân hàng hiện đại	2(2,0)	
8.	0310100456	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2(2,0)	
9.	0310100575	13102021	Tái cấu trúc doanh nghiệp	2(2,0)	
10.	0310101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng	2(2,0)	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 3: 16 tín chỉ tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0)	
2.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0)	
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 6 trong 8 học phần)</b>					
3.	0310100567	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2(2,0)	
4.	0310101506	13100023	Quản trị dự án	2(2,0)	
5.	0310100457	12100017	Quản trị chi phí	2(2,0)	
6.	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2(2,0)	
7.	0310101511	12100019	Kế toán quản trị	2(2,0)	
8.	0310101507	12100020	Kế toán quốc tế	2(2,0)	
9.	0310100568	13100033	E – Marketing	2(2,0)	
10.	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	2(2,0)	
<b>Học kỳ 4: 15 tín chỉ tích lũy</b>					
1.	0310101515	12104001	Thực tập	6(0,6)	
2.	0310101508	12106005	Báo cáo tốt nghiệp	9(0,9)	

## 12.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 1: 11 tín chỉ</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1.	0310100409	11100012	Triết học	4(4,0)	
2.	0310101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2(2,0)	
3.	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3(3,0)	
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 1 trong 2 học phần)</b>					
4.	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu tài chính (Big data Financial Analysis)	2(2,0)	
5.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2(2,0)	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 2: 12 tín chỉ</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1.	0310100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	8	
2.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0)	
3.	0310101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2(2,0)	
4.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	2(2,0)	
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 2 trong 6 học phần)</b>					
4.	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế	4	
5.	0310100455	12100013	Ngân hàng hiện đại	2(2,0)	
6.	0310100457	12100017	Quản trị chi phí	2(2,0)	
7.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2(2,0)	
8.	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2(2,0)	
<b>Học kỳ 3: 10 tín chỉ</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	6	
2.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0)	
3.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0)	
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 2 trong 6 học phần)</b>					
4.	0310101514	12100023	Tài chính hành vi	4	
5.	0310100453	12100011	Mô hình tài chính	2(2,0)	
6.	0310100456	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2(2,0)	
7.	0310100444	12100004	Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0)	
8.	0310100567	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2(2,0)	
9.	0310101506	13100023	Quản trị dự án	2(2,0)	
<b>Học kỳ 4: 27 tín chỉ</b>					

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	0310101512	12107002	Chuyên đề 1	4(0,4)	
2.	0310101513	12107003	Chuyên đề 2	4(0,4)	
3.	0310101514	12107004	Chuyên đề 3	4(0,4)	
4.	0310101515	12106006	Luận văn tốt nghiệp	15(0,15)	

### 13. Hướng dẫn thực hiện

#### 13.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên, đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

#### 13.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy cần phải nghiên cứu nội dung của đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên.
- Tổ chức cho học viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, bài tập lớn. Giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại.
- Thường xuyên trao đổi với doanh nghiệp để cập nhật kiến thức mới phục vụ cho công tác giảng dạy.

#### 13.3. Kiểm tra, đánh giá

- Việc kiểm tra đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Do đó giảng viên phải thực hiện đúng theo quy chế tín chỉ về việc đánh giá, kiểm tra.

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

#### 13.4. Đối với học viên

- Phải nghiên cứu tài liệu học tập trước khi lên lớp.
- Tự giác trong việc học tập, thể hiện tinh thần tự học là chính. Tích cực tham gia học tập theo nhóm, tìm tòi nghiên cứu tài liệu liên quan đến bài giảng.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng internet và trong thư viện của nhà trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và viết báo cáo/luận văn tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

#### 14. Phê duyệt chương trình đào tạo

TP. HCM, ngày tháng năm 20

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

PGS TS. Nguyễn Thị Loay

TP. HCM, ngày tháng năm 20

**TRƯỞNG KHOA**

PGS.TS Trần Phước

TP. HCM, ngày tháng năm 20

**HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Hoàn

## MỤC LỤC



1. Mục tiêu đào tạo .....	2
1.1.Mục tiêu chung.....	2
1.2.Mục tiêu cụ thể.....	2
2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	3
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa .....	13
3.1.Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng .....	13
3.2.Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu.....	13
4. Đối tượng tuyển sinh: .....	13
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp .....	14
6. Cách thức đánh giá .....	14
7. Thời gian đào tạo: .....	14
8. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ.....	14
9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp .....	14
10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp .....	14
11. Nội dung chương trình đào tạo .....	14
11.1.Nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ....	14
11.2.Nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu ..	17
12. Kế hoạch đào tạo .....	19
12.1.Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng .....	19
12.2.Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu.....	20
13. Hướng dẫn thực hiện .....	22
13.1.Đối với các đơn vị đào tạo .....	22
13.2.Đối với giảng viên.....	22
13.3.Kiểm tra, đánh giá .....	22
13.4.Đối với học viên.....	23
14. Phê duyệt chương trình đào tạo .....	23